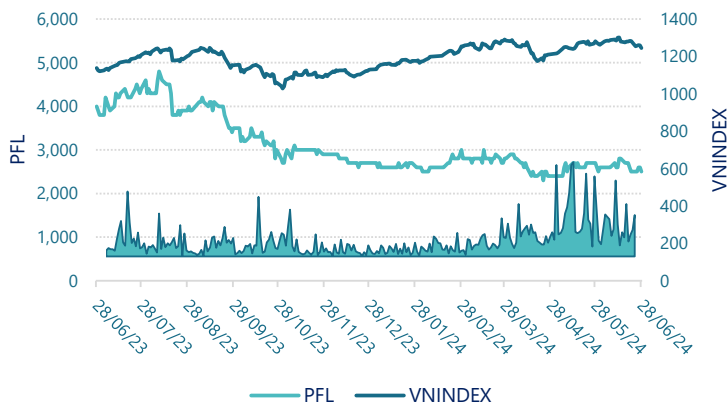




CTCP Dầu khí Đông Đô (UPCOM: PFL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

28/06/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	2,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,300
SL cổ phiếu LH	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	280,675
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	125
P/E	-51.5
EPS	-49

DT thuần

Q2/24

8.37

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.62 | 1015%

YoY: ▲ 5.92 | 241%

LN sau thuế

Q2/24

1.59

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.78 | 234%

YoY: ▲ 3.68 | 176%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

19.0%

+/- YoY: ▲ 104%

DT thuần

6T 2024

9.11

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 0.99 | -9.5%

LN sau thuế

6T 2024

0.40

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.99 | 116%

ROE

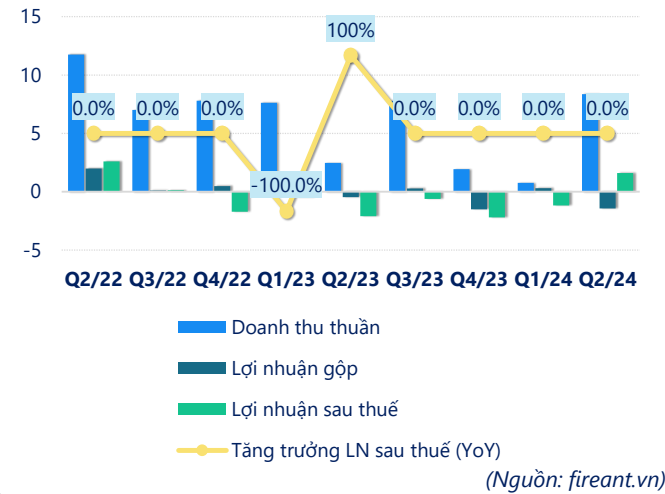
Q2/24

-1.1%

+/- YoY: ▲ 0.8%

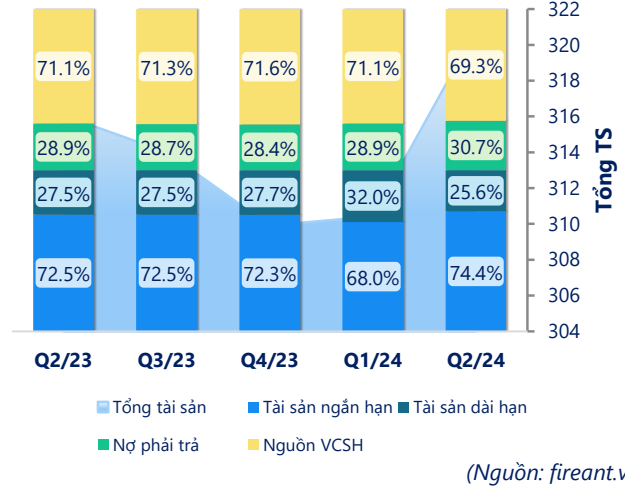
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

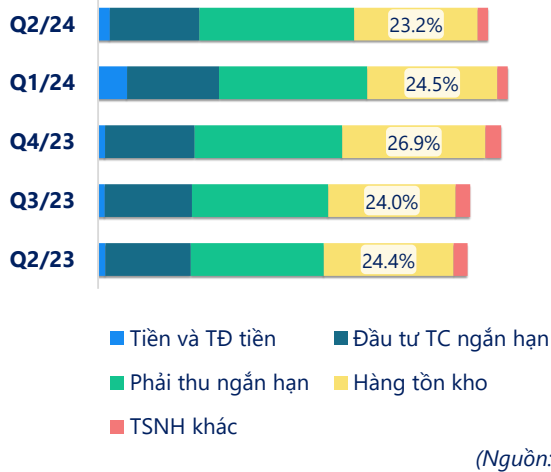


Cơ cấu Tổng tài sản

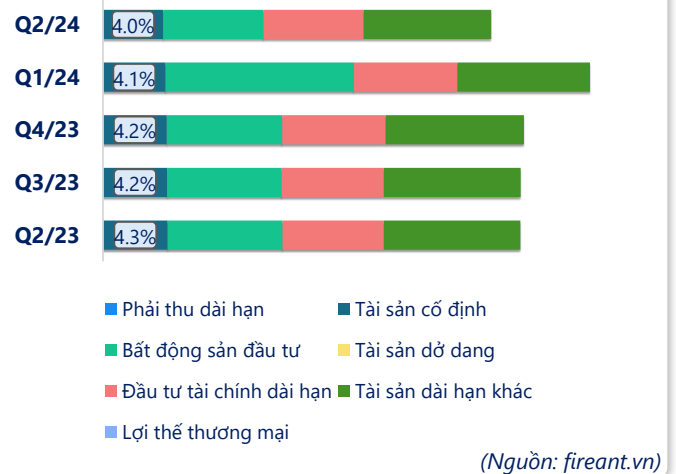
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

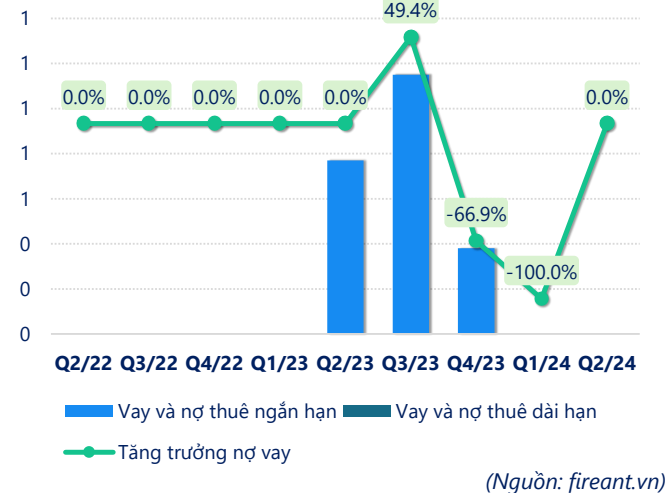


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



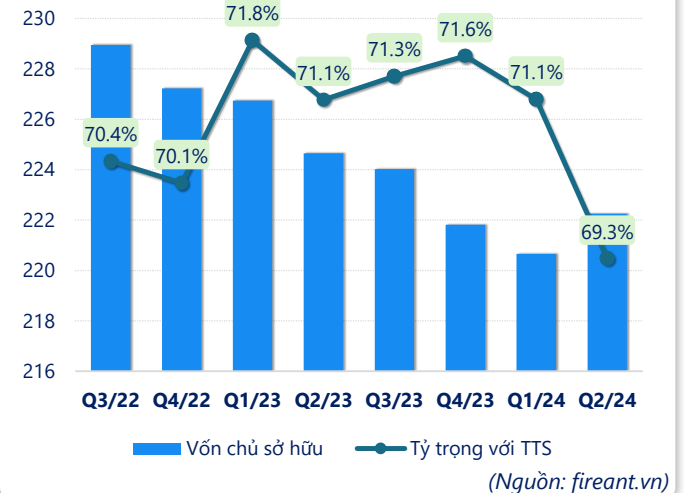
tỷ VNĐ

Nợ vay

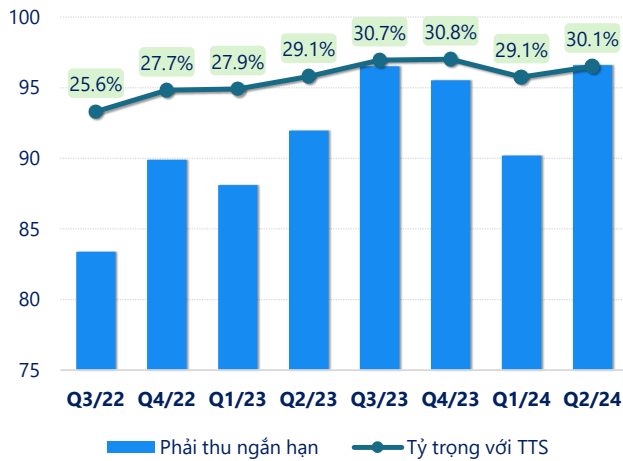


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

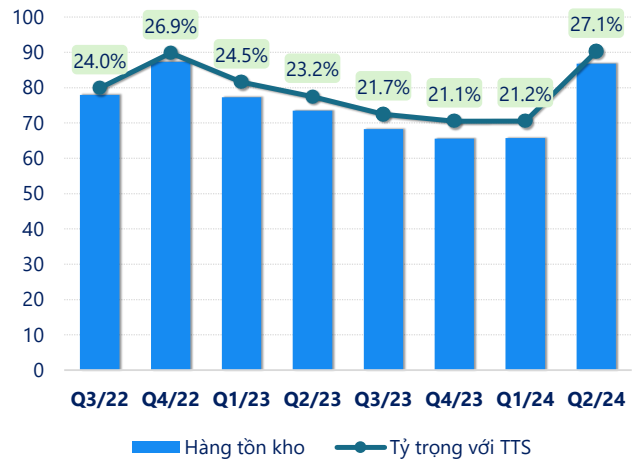


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


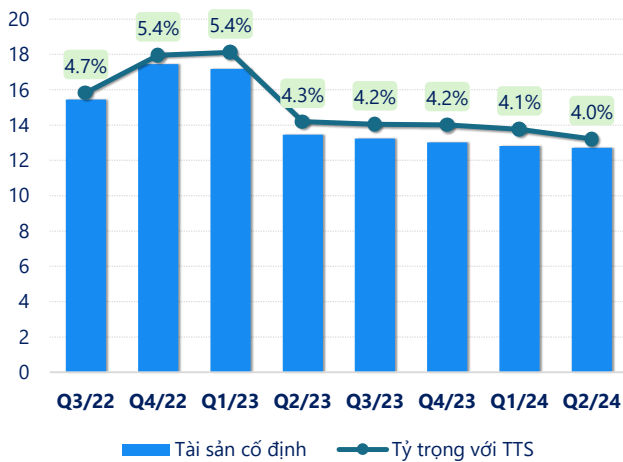
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


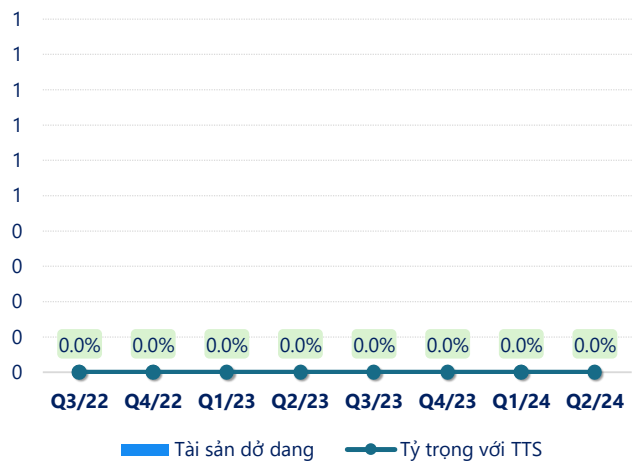
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

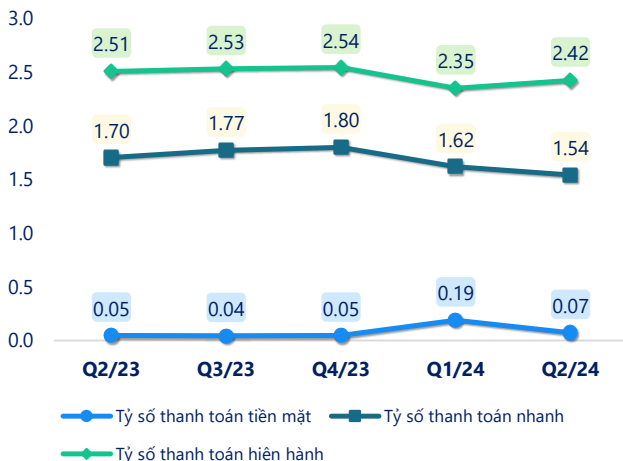
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

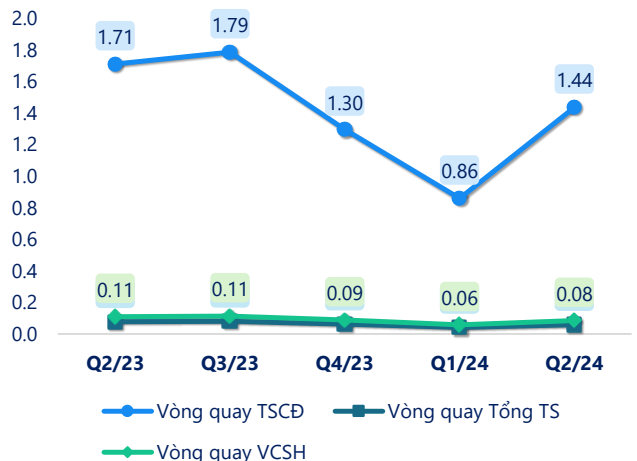
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	316	314	310	310	321
Tài sản ngắn hạn	229	228	224	211	239
Tiền và tương đương tiền	4.30	3.99	4.11	16.9	7.09
Đầu tư tài chính ngắn hạn	53.3	53.3	53.3	31.0	40.7
Phải thu ngắn hạn	92.0	96.5	95.5	90.2	96.6
Hàng tồn kho	73.5	68.3	65.5	65.7	86.8
Tài sản ngắn hạn khác	6.18	5.60	5.60	7.10	7.57
Tài sản dài hạn	86.9	86.3	85.9	99.5	82.0
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	13.5	13.2	13.0	12.8	12.7
Bất động sản đầu tư	23.9	23.7	23.6	38.5	21.2
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	21.1	21.1	21.1	21.1	21.1
Tài sản dài hạn khác	28.4	28.3	28.2	27.1	27.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	91.4	90.0	88.1	89.8	98.6
Nợ ngắn hạn	91.4	90.0	88.1	89.8	98.6
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.77	1.15	0.38	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	29.1	27.3	26.3	27.8	30.7
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	225	224	222	221	222
Vốn chủ sở hữu	225	224	222	221	222
Vốn điều lệ	500	500	500	500	500
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)